TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĐ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2024/QĐST-DS	*NĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: NH TMCPXNK VN (viết tắt: Eximbank); Trụ sở chính: BN, Q1, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Hà P - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người được uỷ quyền: Ông Phạm Trọng Đ, Giám đốc NH TMCPXNK VN - CN H; Người được ủy quyền lại: Ông Hồ An B - Phó Phụ trách Phòng khách hàng cá nhân - NH TMCPXNK VN, CN H (văn bản ủy quyền số: 120A/2024/EIB/HUE ngày 24/06/2024); Địa chỉ: P VN, TP H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị Thuỷ H, sinh năm: 1974 và ông Lê L, sinh năm: 1972; Đều trú tại: Số nhà 09, đường Ra Đàng, tổ dân phố 5, thị trấn Khe Tre, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ:

Bà Hoàng Thị Thuỷ H và ông Lê L phải thanh toán cho NH TMCPXNK VN - CN H tổng số tiền vay tính đến ngày 31/7/2024 là: 1.277.792.054 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, không trăm năm mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc: 1.182.777.782 đồng; nợ lãi trong hạn: 89.810.594 đồng; nợ lãi quá hạn: 2.630.966 đồng; nợ lãi chậm trả: 2.572.712 đồng.

2.2. Về thời hạn thanh toán:

Đến hết ngày 01/9/2024, bà Hoàng Thị Thuỷ H và ông Lê L phải thanh toán toàn bộ số nợ cho NH TMCPXNK VN - CN H tổng số tiền vay đến ngày 31/7/2024 là: 1.277.792.054 đồng (nợ gốc: 1,182,777,782 đồng; nợ lãi trong hạn: 89.810.594 đồng; nợ lãi quá hạn: 2.630.966 đồng; nợ lãi chậm trả: 2.572.712 đồng). Và thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh được quy định tại Hợp đồng cho vay đã ký với NH TMCPXNK VN, CN H kể từ sau ngày 31/7/2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Đến hết ngày 01/9/2024, bà Hoàng Thị Thuỷ H và ông Lê L không thực hiện trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là: Thửa đất số số 64, tờ bản đồ 19; địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 5, thị trấn Khe Tre, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế có diện tích 3.458,9 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 461960, số vào sổ cấp GCN: CH 000466 do Ủy ban nhân dân huyện NĐ cấp ngày 04/3/2019 cho ông Lê L và bà Hoàng Thị Thủy H.

Tài sản thế chấp được NH TMCPXNK VN - CN H, bà Hoàng Thị Thuỷ H và ông Lê L ký kết theo hợp đồng thế chấp tài sản số 39/2019, ngày 19/3/2019 do Phòng công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: Số 148A Nguyễn Huệ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế công chứng theo số 1705, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 20/3/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 01-39/2019 ngày 14/6/2021 do Phòng công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên Huế công chứng theo số 2381, quyển số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 02-39/2019 ngày 24/8/2022 do Phòng công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên Huế công chứng theo số 3006, quyển số 02/2022TP/CC-SCC/HĐGD.

Nếu số tiền thu được từ quá trình phát mại tài sản bảo đảm không đủ thu hồi nợ, bà Hoàng Thị Thuỷ H và ông Lê L phải tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng theo hợp đồng cho vay đã ký.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Các bên đương sự thỏa thuận bà Hoàng Thị Thuỷ H và ông Lê L phải chịu số tiền là 2.500.000 đồng. NH TMCPXNK VN - CN H đã nộp số tiền này nên bà Hoàng Thị Thuỷ H và ông Lê L phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền 2.500.000 đồng.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm của 1.277.792.054 đồng: 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt 800.000.000 đồng. Cụ thể: (36.000.000+(1.277.792.054-800.000.000)*3%) = 50.333.762 đồng. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên được giảm 50% số tiền phải chịu là 50.333.762 đồng/2 = 25.166.881 đồng.

Các bên thỏa thuận về án phí dân sự sơ thẩm như sau:

+ Bà Hoàng Thị Thuỷ H và ông Lê L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 25.166.881 đồng (Hai mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi mốt nghìn).

+ Trả lại NH TMCPXNK VN - CN H số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp là 24.828.907 đồng (Hai mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, chín trăm lẻ bảy đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002308 ngày 10/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh